

Bản án số: 377/2019/DS-PT

Ngày: 24 - 10 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương;

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/10/2019 và 24/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2019/TLPT-DS ngày 28/6/2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân Huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2019/QĐ-PT ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ A, xã Phú Thọ, Huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T là: Anh Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019).

- *Bị đơn*: Thái Thanh Q, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ B, xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: Số 2, đường láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn P – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Hện T, tỉnh Đồng Tháp (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn Tràm Chim, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Chí D, sinh năm 1963;

3. Thái Thị Mai H, sinh năm 1963 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thọ B, xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1974;

5. Nguyễn Cảnh S, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt);

6. Thái Quốc H, sinh năm 2000;

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là: Anh Thái Thanh Q, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thọ B, xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1972;

8. Hồ Ánh S1, sinh năm 1996;

9. Hồ Ánh D, sinh năm 2001;

10. Hồ Ánh N, sinh năm 2003;

Người đại diện theo pháp luật của chị N là: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thọ A, xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, chị S1, chị D là: Anh Nguyễn Văn Minh, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, Hện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn ủy quyền ngày 10/7/2019 và ngày 09/8/2019).

11. Ủy ban nhân dân Hện T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh S – Chức vụ: Chủ tịch UBND Hện T(Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn Tràm Chim, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Hồ Văn T, cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Ánh D, chị Hồ Ánh S1 và là người giám hộ của chị Hồ Ánh N trình bày:

Năm 2002 ông mua 13.320m² đất ruộng của bà Huỳnh Thị Chuẩn (Là mẹ vợ của ông). Năm 2004 ông làm thủ tục cHởn nhượng đứng tên ông diện tích 13.320m². Sau khi nhận cHởn nhượng ông canh tác được 01 năm thì em vợ ông là ông Nguyễn Thanh Phúc ra ngăn cản và bao chiếm canh tác được 02 mùa nên P sinh tranh chấp. Năm 2005 Tòa án nhân dân Hện T, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử tuyên buộc ông Phúc trả lại cho ông diện tích đất đã bao chiếm là 13.320m² thuộc các thửa 99, 312, 313, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông năm 2004.

Năm 2005 Chi cục Thi hành án dân sự Hện Tthi hành án bản án của Tòa án, bàn giao đất lại cho ông không đủ diện tích đất 13.320m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông tại các thửa 99, 312, 313, tờ bản đồ số 05 vào ngày 24/6/2004. Chi cục thi hành án chỉ giao cho ông diện tích 11.392,35m². Như vậy, so với giấy chứng nhận QSD đất thiếu 1.927,6m² đất thuộc thửa số 99 và một phần thửa số 313. Khi nhận đất ông thấy hiện trạng đất khi Chi cục thi hành án giao so với thời gian đầu nhận cHởn nhượng có thay đổi hiện trạng. Sau khi nhận đất khoảng 01 tuần từ Chi cục thi hành án ông đã làm đơn khiếu nại ông Q đến UBND xã Phú Thọ vì ông Q đã lấn chiếm đất của ông nhưng đến nay không được giải quyết.

Vì vậy, ông yêu cầu ông Q trả lại diện tích đất 1.927,6m² đất thuộc thửa số 99 và một phần thửa số 313, tờ bản đồ số 05, tại xã Phú Thọ, Hện Tdo ông đứng tên và yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại cho gia đình ông 12 năm từ năm 2006 đến nay tính theo giá đất thuê hàng năm với tổng số tiền là 47.418.000đ, cụ thể:

+ Từ năm 2006 đến năm 2011, thuê làm 02 vụ: $1.927,6\text{m}^2 \times 1.800.000 \text{đ}/1.000\text{m}^2 \times 6 \text{ năm} = 20.818.000\text{đ}$.

+ Từ năm 2012 đến năm 2017, thuê làm 03 vụ lúa: $1.927,6\text{m}^2 \times 2.300.000 \text{đ}/1.000\text{m}^2 \times 6 \text{ năm} = 26.600.000\text{đ}$, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn ông Thái Thanh Q và là người đại diện theo ủy quyền của anh Thái Quốc H trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp ông nhận cHởn nhượng của bà Nguyễn Thị Nương diện tích 7.500m^2 từ năm 1997, có làm giấy tay và hai bên có đo đạc diện tích cụ thể. Khi nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sau đó, ông đi đăng ký nhưng chỉ đăng ký được diện tích 5.482m^2 . Còn lại khoảng 2.000m^2 ông Trần Văn Khanh đã kê khai đăng ký trước. Sau khi nhận cHởn nhượng ông canh tác đến năm 2004 thì ông cho vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Thái Thị Mai H thuê canh tác đến nay. Năm 2009 ông mới biết phần diện tích đất khoảng 2.000m^2 , thuộc một phần thửa 313 và thửa 99 ông Khanh đứng tên. Năm 2013 ông được cấp giấy chứng nhận tại thửa 98, diện tích 5.482m^2 do ông đứng tên. Từ khi nhận cHởn nhượng, ông canh tác sử dụng có ranh giới rõ ràng, hiện trạng không thay đổi, từ trước đến nay không có tranh chấp. Do đó, ông không đồng ý trả đất và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Chí D và bà Thái Thị Mai H trình bày:

Ông, bà có thuê diện tích 7.500m^2 đất ruộng của gia đình ông Q để canh tác trồng lúa từ năm 2004 đến nay. Trong đó, có diện tích đất ông T và ông Q đang tranh chấp là 1.922m^2 . Khi thuê hai bên có làm tờ thỏa thuận thuê QSD đất vào ngày 12/11/2004, giá thuê là $700.000\text{đ}/\text{công}/\text{năm}$, thời hạn thuê không có thỏa thuận. Hiện nay ông, bà đang canh tác diện tích đất thuê của ông Q. Nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông T thì ông bà đồng ý trả phần đất tranh chấp cho ông T. Nếu Tòa án giải quyết đất thuộc về ông Q, ông bà sẽ tiếp tục canh tác diện tích đất này theo hợp đồng thuê đất.

+ Bà Nguyễn Thị Tố N trình bày: Thống nhất ý kiến của ông Q.

+ Bà Nguyễn Thị Ánh T1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông T.

+ Ông Nguyễn Cảnh S: Không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

+ Ủy ban nhân dân Hện Tcó văn bản cung cấp cho Tòa án như sau:

Ngày 01/5/1995, UBND Hện T cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Khanh có số vào sổ 00653/QSDĐ/A3 gồm các thửa: thửa 313 diện tích 3.370m², mục đích sử dụng đất Mn/Hg, thửa 312, diện tích 9.550m², mục đích sử dụng đất lúa và thửa 99 diện tích 400m², mục đích sử dụng đất ao, cùng tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã Phú Thọ, Hện T không khảo sát thực tế (cấp theo hồ sơ địa chính 299) và được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đối tượng tại thời điểm cấp giấy.

Ngày 24/6/2004, UBND Hện T cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông T có số vào sổ OI379/QSDĐ/A3 gồm các thửa: thửa 313, diện tích 3.370m², mục đích sử dụng Mn/Hg, thửa 312, diện tích 9.550m² mục đích sử dụng đất lúa và thửa 99, diện tích 400m², mục đích sử dụng đất ao, cùng tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã Phú Thọ, Hện T không tiến hành đo đạc, khảo sát thực tế do nhận cHên nhượng hết diện tích thửa đất từ ông Khanh được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy.

Ngày 31/10/2016 UBND Hện T cấp giấy CNQSD đất có số vào sổ CH05246, thửa 99, diện tích 400m², mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản; Giấy chứng nhận QSD đất số CH05247, thửa 312, diện tích 9.550m², mục đích sử dụng đất cHên trồng lúa nước, CH05247, thửa 313, diện tích 3.370m², cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phú Thọ, Hện T là cấp cho hộ gia đình ông T không tiến hành đo đạc, khảo sát thực tế, cấp đổi Giấy CNQSD đất do hết trang tự.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 01/11/2016 ông T có thể chấp thửa đất số 99, 312, 313, 113, 280 tờ bản đồ số 03 và 05, tổng diện tích 21.682m² do hộ ông T đứng tên để vay tại Ngân hàng số tiền 350.000.000đ. Đến ngày 30/3/2018 còn dư nợ 280.000.000đ. Ngày 04/6/2018 ông T trả hết số nợ trên. Ngày 05/6/2018 ông T vay lại số tiền 400.000.000đ, cũng thể chấp 21.682m² như trên. Khoản vay trên đang là nợ trong hạn, chưa đến kỳ hạn trả nợ và khách hàng đang thực hiện tốt các quy định về vay vốn. Do đó, Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này, nếu có P sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân Hện T đã xử.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với ông Thái Thanh Q.

2/ Công nhận cho ông Thái Thanh Q phần đất diện tích 1.922m² đất thuộc thửa số 99 và một phần thửa số 313, tờ bản đồ số 05, giấy CNQSD đất có số vào sổ: CH05246, CH05248 cấp cùng ngày 31/10/2016, cùng thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp Phú Thọ A, xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Ông Thái Thanh Q có quyền đến cơ quan chức năng đăng ký phần đất có tổng diện tích 1.922 m² thuộc thửa số 99 và một phần thửa số 313, tờ bản đồ số 05 theo quy định pháp luật.

Đối với một phần thửa 313, tờ bản đồ số 05

Vị trí cụ thể như sau:

Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của ông Hồ Văn T đo từ mốc số 15 đến mốc số 19 có chiều dài 14,43m, từ mốc số 19 đến mốc số 20 có chiều dài là 2,48m, từ mốc số 20 đến mốc số 21 có chiều dài là 8,44 m, từ mốc số 21 đến mốc số 22 có chiều dài là 10,34m, từ mốc số 22 đến mốc số 23 có chiều dài là 5,02m. Tổng chiều dài là 40,71m.

Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của ông Hồ Văn T đo từ mốc số 23 đến mốc số 24 có chiều dài là 66,16m, từ mốc số 24 đến mốc số 25 có chiều dài là 3,27m. Tổng chiều dài là 69,43m.

Hướng Đông: Giáp đất của ông Thái Thanh Q và thửa 99 đo từ mốc số 9 đến mốc số 16 có chiều dài là 64,81m, từ mốc số 16 đến mốc số 15 có chiều dài là 13,26m. Tổng chiều dài là 78,07m.

Hướng Nam: Giáp thửa đất số 97 của ông Nguyễn Văn Điền và đất còn lại của ông Hồ Văn T đo từ mốc số 25 đến mốc số 7 có chiều dài là 5,05m, từ mốc số 7 đến mốc số 8 có chiều dài là 3,81m, từ mốc số 8 đến mốc số 9 có chiều dài là 17,02m. Tổng chiều dài là 25,88m.

Diện tích qua đo đạc thực tế 1.613m².

Đối với thửa 99, tờ bản đồ số 05 vị trí cụ thể như sau:

Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của ông Hồ Văn T đo từ mốc số 12 đến mốc số 13 có chiều dài là 2,58m, từ mốc số 13 đến mốc số 14 có chiều dài

là 3,05m, từ mốc số 14 đến mốc số 15 có chiều dài là 22,13m. Tổng chiều dài là 27,76m.

Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của ông Hồ Văn T đo từ mốc số 15 đến mốc số 15 có chiều dài là 13,26m.

Hướng Đông: Giáp đất ông Thái Thanh Q đo từ mốc số 12 đến mốc số 17 có chiều dài là 13.40m.

Hướng Nam: Giáp thửa đất số 98 của ông Thái Thanh Q đo từ mốc số 16 đến mốc số 17 có chiều dài là 30,70m.

Diện tích qua đo đạc thực tế 309m².

(Có sơ đồ mốc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/7/2017 kèm theo)

4/ Đề nghị Ủy ban nhân dân Hện T điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn T đứng tên có tổng diện tích 1.922m², thuộc một phần thửa 313 diện tích 1.613m², và thửa 99 diện tích 309m² theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH05246, CH05248 cấp cùng ngày 31/10/2016, cùng thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp do ông Hồ Văn T đứng tên cấp lại cho ông Thái Thanh Q.

5/ Ông Hồ Văn T phải chịu chi phí đo đạc số tiền là 6.629.000đ, ông T đã nộp xong.

6/ Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của ông Hồ Văn T đối với ông Thái Thanh Q.

7/ Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Việt Nam giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH05246, CH05248 cấp cùng ngày 31/10/2016, thuộc các thửa 99 và thửa 313, cùng thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp do ông Hồ Văn T đứng tên cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc điều chỉnh giấy CNQSD đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/5/2019 ông Hồ Văn T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông

Q trả lại diện tích đất 1.927,6m² đất thuộc thửa số 99 và một phần thửa số 313, tờ bản đồ số 05, đất tại xã Phú Thọ, Hện Tdo ông đứng tên và yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại cho gia đình ông 12 năm từ năm 2006 đến nay tính theo giá đất thuê hàng năm với tổng số tiền là 47.418.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp P biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất của ông Hồ Văn T trước đây là do Nhà nước cấp cho ông Võ Văn Xếp vào năm 1988 diện tích khoảng 5 công. Năm 1991 ông Xếp cHễn nhượng lại cho ông Lê Văn Hùng và ông Hùng có khai mở thêm được 5 công, tổng cộng là 10 công. Năm 1993 ông Hùng cHễn nhượng cho ông Trần Văn Khanh diện tích 10 công. Năm 1995 ông Hùng đăng ký quyền sử dụng đất cho ông Khanh đứng tên. Ông Khanh canh tác được khoảng 02 mùa không hiệu quả nên bỏ Hng. Do ông Khanh không trả đủ vàng cHễn nhượng đất cho ông Hùng nên ông Hùng lấy đất lại cHễn nhượng cho vợ ông Nguyễn Văn Phấn, (chồng bà Chuần) và ông Hùng giao giấy CNQSD đất đứng tên ông Khanh cho ông Phấn giữ. Năm 2002 bà Chuần cHễn nhượng lại cho ông T. Đến năm 2004 thì làm thủ tục cHễn quyền sử dụng đất nhưng từ tên ông Khanh sang cho ông T. Năm 2005 ông Phúc tranh chấp với bà Chuần và ông T. Năm 2005 Tòa án nhân dân Hện Txét xử chấp nhận yêu cầu ông T. Do ông Phúc không đồng ý nên kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử

phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Công nhận cho ông T diện tích theo giấy CNQSD đất là 13.320m². Năm 2005 Chi cục thi hành án dân sự Hện Tthi hành theo bản án phúc thẩm giao ông T diện tích theo đo đạc thực tế 11.392,35m² thiếu 1.927,75m² so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Nguồn gốc đất của ông Q là nhận cHên nhượng từ bà Nguyễn Thị Nương diện tích 7.500m² vào năm 1997. Năm 1998 ông Q kê khai đăng ký diện tích nêu trên nhưng chỉ đăng ký được 5.482m², diện tích còn lại là do ông Khanh đứng tên trước.

[3] Ông T cho rằng khi nhận cHên nhượng đất từ bà Chuẩn vào năm 2002 đến khi Cơ quan Thi hành án giao đất hiện trạng đã bị thay đổi là do trong thời gian ông Phúc bao chiếm, ông Q đã lấn chiếm đất của ông. Tuy Nên, năm 2001 ông Q đã cho ông D thuê đất canh tác đến nay. Mặt khác, ông D là anh vợ ông T. Do đó, ông T cho rằng ông Q lấn chiếm đất là chưa có căn cứ. Ngoài ra, năm 2005 khi Chi cục thi hành án Hện Tgiao cho ông T diện tích 11.392.35m², thiếu 1.927,6m² so với giấy CNQSD đất, ông T không có ý kiến hay khiếu nại hoặc khởi kiện ông Q về việc lấn chiếm đất. Ông T cho rằng năm 2005 ông có khiếu nại Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày của UBND xã thì người khiếu nại là anh Q.

[4] Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Hện Tcũng xác định việc cấp giấy CNQSD đất lần đầu cho ông Khanh không có đo đạc, cHên nhượng từ ông Khanh cho ông T và đến khi cấp đổi giấy cho ông T cũng không có đo đạc, khảo sát thực tế. Hơn nữa, năm 2005 khi giải quyết tranh chấp giữa ông Phúc, bà Chuẩn, ông T Tòa án nhân dân Hện Tvà Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên theo giấy CNQSD đất do ông T đứng tên mà không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp nên không đủ cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T.

[5] Hơn nữa, chủ đất trước đây là ông Hùng cho rằng đất của ông T có nguồn gốc của ông cHên nhượng cho ông Khanh chỉ có 10 công tương đương 10.000m². Còn ông Khanh trình bày cũng chỉ nhận cHên nhượng của ông Hùng 10 công. Sở dĩ, có diện tích 13.320m² là do địa chính tự xác định theo bản đồ không ảnh.

Do đó, không đủ căn cứ để xác định ông Q có lấn chiếm quyền sử dụng đất của ông T.

Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy Nên để thuận tiện cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân Huyện T.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T.
4. Buộc hộ ông Hồ Văn T (Các thành viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị Ánh T1, Hồ Ánh S1, Hồ Ánh D và Hồ Ánh N) giao quyền sử dụng diện tích 309m² đất thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 05 và 1.613m² đất thuộc một phần thửa số 313, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn T đứng tên tại xã Phú Thọ, Huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho ông Thái Thanh Q được quyền sử dụng.
5. Giao cho ông Thái Thanh Q được quyền tiếp tục sử dụng 309m² đất thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 05 trong phạm vi các mốc M12, M13, M14, M15, M16, M17, M12 và 1.613m² đất thuộc một phần thửa số 313, tờ bản đồ

số 05 trong phạm vi các mốc M15, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M7, M8, M9, M16, M15 tại xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo sơ đồ mốc 05/4/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Hện T)

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân Hện T thu hồi 1.613m² đất thuộc một phần thửa 313 và 400m² (Đo đạc thực tế 309m²) đất thuộc thửa 99, cùng tờ bản đồ số 5, đất tại xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH05246, CH05248 cấp ngày 31/10/2016 do hộ ông Hồ Văn T đứng tên để cấp lại cho ông Thái Thanh Q.

7. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Việt Nam giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính) có số vào sổ CH05246, CH05248 cấp ngày 31/10/2016, gồm các thửa 99 và thửa 313 cùng tờ bản đồ số 5, đất tại xã Phú Thọ, Hện T, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Hồ Văn T đứng tên (Hiện Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Hện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý) cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Hồ Văn T phải chịu là 6.629.000đ (Đã nộp xong).

9. Về án phí:

Ông Hồ Văn T phải chịu 6.503.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000459 ngày 09/5/2019 và 2.871.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000553 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện T, ông Hồ Văn T còn phải nộp tiếp 3.632.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt